

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ
địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 235/TTr-STNMT ngày 06 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các

cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Q.CT và PCT UBND tỉnh;
- Phòng TN&MT các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NCKS, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

QUY ĐỊNH**Về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1435 /QĐ-UBND ngày 13 /6/2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
2. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
3. Các hoạt động về đo đạc và bản đồ không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Chương II**QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ****Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh**

1. Tổ chức tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và còn trong thời hạn. Cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính khi được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề và còn trong thời hạn.

Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được thực hiện theo Điều 52 và Điều 53 Luật Đo đạc và bản đồ. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo Điều 32, 33, 34, 35, 36 và 37 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

2. Hệ thống điểm đo đạc, hệ thống bản đồ các loại, cơ sở dữ liệu liên quan đến đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam phải được xây dựng ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° . Công trình đo đạc và bản đồ địa chính đã hoàn thành ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao khác trước khi sử dụng phải chuyển sang Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .

3. Hồ sơ sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính phải có sự tham gia và chữ ký của người phụ trách kỹ thuật của đơn vị thi công đo đạc (thể hiện trong hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư). Các sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận theo quy định.

4. Việc đo đạc lập bản đồ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính, trích đo địa chính phải gắn với việc kê khai, đăng ký đất đai, lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính, lập cơ sở dữ liệu địa chính hoặc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất hoặc bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai.

5. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành khi đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận theo quy định. Trường hợp bản đồ xuất bản phải tuân thủ theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 4. Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính, phương án thi công trích đo địa chính

1. Đối với dự án đo đạc bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn thì phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Đối với trích đo địa chính thửa đất, khu đất, chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất hoặc bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc phục vụ vào mục đích quản lý đất đai khác thì phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, như sau:

a) Khu đo với quy mô diện tích được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Khu đo với quy mô diện tích trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc công trình, dự án nằm trên địa bàn giáp ranh từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên (không giới hạn diện tích) thì Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

3. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất phục vụ công tác kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhưng phải lập phương án thi công và trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt, trừ các trường hợp sau:

a) Trường hợp trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp đơn lẻ, thường xuyên hàng năm bằng ngân sách nhà nước thì phải lập kế hoạch thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp trích đo địa chính thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất không sử dụng ngân sách nhà nước hoặc trích đo phục vụ việc xét xử của tòa án, thi hành án, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, không phải lập phương án thi công.

Điều 5. Quy định về nội dung lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính, phương án thi công trích đo địa chính

1. Nội dung lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính

a) Trước khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này thì phải lập báo cáo khảo sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

b) Thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính bao gồm các nội dung chính như sau:

Sự cần thiết phải đo đạc lập bản đồ địa chính;

Cơ sở pháp lý;

Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của địa phương nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính;

Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý đất đai của địa phương;

Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

Tổ chức thực hiện;

Dự toán kinh phí;

Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

2. Nội dung lập phương án thi công trích đo địa chính bao gồm các nội dung chính như sau:

Căn cứ lập phương án;

Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
 Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
 Kinh phí thực hiện.

3. Trước khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán trích đo địa chính quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này đối với khu vực đã có bản đồ địa chính dạng số theo hệ toạ độ và hệ quy chiếu quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này thì chủ đầu tư dự án phải lấy ý kiến bằng văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường về đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để quyết định thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính, trích đo địa chính, lựa chọn tỷ lệ và phương pháp trích đo theo quy định tại Điều 6 và khoản 1, khoản 3 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính hoặc phương án thi công trích đo địa chính nếu áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định hiện hành thì phải báo cáo và được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản mới được thi công.

Điều 6. Giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này

Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Điều 7. Giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này

1. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm giám sát công trình, sản phẩm trích đo địa chính theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Hồ sơ công trình, sản phẩm trích đo địa chính, bao gồm nhưng nội dung chính như sau:

Sơ đồ lưới địa chính, lưới đo vẽ, tài liệu tính toán, bình sai lưới địa chính, lưới khống chế đo vẽ (nếu có);

Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất;

Các loại sổ đo, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Bản trích đo địa chính;

Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất;

Biên bản xác nhận việc công khai bản trích đo địa chính;

Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, loại đất, chủ quản lý, sử dụng theo hiện trạng bản trích đo địa chính;

Biên bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các trường hợp vắng chủ, tranh chấp và các trường hợp bất khả kháng khác mà người sử dụng đất chưa ký vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất hoặc Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thì đơn vị thi công đo đạc lập danh sách các trường hợp này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

Quyết định phê duyệt phương án thi công trích đo địa chính của cơ quan có thẩm quyền; hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công thực hiện trích đo địa chính.

3. Trình tự, thủ tục tự kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính của đơn vị thi công

a) Đơn vị thi công sử dụng đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của mình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm trích đo địa chính do đơn vị mình thực hiện với mức kiểm tra cấp đơn vị thi công quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính theo quy định như sau:

Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quy định này;

Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Quy định này;

Báo cáo đối với những vấn đề phát sinh, vướng mắc về công nghệ, về định mức kinh tế - kỹ thuật, về khối lượng và những vấn đề khác so với phương án thi công trích đo địa chính đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc của cấp có thẩm quyền trong thời gian thi công công trình (nếu có);

Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 04a và Mẫu số 04b ban hành kèm theo Quy định này;

Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót (nếu có).

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính của đơn vị thi công lập thành 03 bộ: 01 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ gửi Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính.

a) Sau khi đơn vị thi công hoàn thành hồ sơ tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm trích đo địa chính do đơn vị mình thực hiện thì chủ đầu tư dự án có văn bản đề nghị đính kèm theo hồ sơ (01 bộ) quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này gửi Chi cục Quản lý đất đai

thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra nhà nước về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính, cụ thể như sau:

Khu đo với quy mô diện tích theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này thì chủ đầu tư dự án gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt sản phẩm.

Khu đo với quy mô diện tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này thì chủ đầu tư dự án gửi Chi cục Quản lý đất đai tổ chức kiểm tra, trình Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt sản phẩm.

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư dự án đính kèm theo hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này, Chi cục Quản lý đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra nhà nước về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính với mức kiểm tra cấp Chủ đầu tư quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và lập hồ sơ kiểm tra nhà nước về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính theo quy định như sau:

Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (phần ngoại nghiệp) theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b và các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 03a hoặc Mẫu số 03b và Mẫu số 03c ban hành kèm theo Quy định này;

Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (phần nội nghiệp) theo Mẫu số 02a hoặc Mẫu số 02b và Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 03d ban hành kèm theo Quy định này.

c) Hồ sơ kiểm tra nhà nước về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trích đo địa chính lập thành 03 bộ: 01 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ lưu tại Chi cục Quản lý đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường và 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

Điều 8. Kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm trích đo địa chính theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này; chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Quy định này và mảnh trích đo địa chính, mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai.

2. Trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính

theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Quy định này và mảnh trích đo địa chính, mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

3. Trường hợp trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính do Tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc bản đồ địa chính thực hiện

a) Để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức thì Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Quy định này và mảnh trích đo địa chính, mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính phải có chữ ký và dấu của Tổ chức thực hiện đo đạc, người kiểm tra trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai và Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai.

b) Để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Quy định này và mảnh trích đo địa chính, mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính phải có chữ ký và dấu của Tổ chức thực hiện đo đạc, người kiểm tra trực thuộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

Điều 9. Phê duyệt sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính, trích đo địa chính

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt sản phẩm bản đồ địa chính quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này và sản phẩm trích đo địa chính quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Ủy ban nhân cấp huyện phê duyệt sản phẩm trích đo địa chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai phê duyệt sản phẩm trích đo địa chính quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 8 Quy định này và trích lục bản đồ địa chính phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phê duyệt sản phẩm trích đo địa chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quy định này và trích lục địa chính thửa đất phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 10. Quy định về mẫu khung và trình bày khung bản đồ địa chính, bản đồ địa chính biên tập in lại, mảnh trích đo địa chính, chỉnh lý thửa đất trong mảnh trích đo địa chính

1. Khung và trình bày khung bản đồ địa chính quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này thực hiện theo mẫu quy định tại điểm 1 và 2 Mục III của Phụ lục

số 01 kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính.

2. Khung và trình bày khung bản đồ địa chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này thực hiện theo Mẫu số 07b ban hành kèm theo.

3. Khung và trình bày khung bản đồ địa chính quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 theo Mẫu số 07a ban hành kèm theo.

4. Khung và trình bày khung mảnh trích đo địa chính quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này thực hiện theo Mẫu số 08a ban hành kèm theo.

5. Khung và trình bày khung mảnh trích đo địa chính quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này thực hiện theo Mẫu số 08b ban hành kèm theo.

6. Khung và trình bày khung mảnh trích đo địa chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Quy định này thực hiện theo Mẫu số 08c ban hành kèm theo.

7. Khung và trình bày khung mảnh trích đo địa chính quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Quy định này thực hiện theo Mẫu số 08d ban hành kèm theo.

Điều 11. Đóng gói, giao nộp sản phẩm đo đạc bản đồ

1. Sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, đơn vị thi công giao nộp cho cơ quan chủ đầu tư để sử dụng ở các cấp theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 23 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính.

2. Sản phẩm trích đo địa chính quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này, ngoài yêu cầu trong Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư với đơn vị thi công, đơn vị thi công giao nộp 01 (một) bộ cho Chi cục Quản lý đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý và 01 bộ (một) cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính.

3. Sản phẩm quy định tại điểm 3 Điều 4 Quy định này, ngoài yêu cầu trong Hợp đồng ký kết giữa người sử dụng đất với đơn vị thi công, thì đơn vị thi công giao nộp 01 (một bộ) cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để cập nhật chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính.

Điều 12. Chế độ bảo mật khi cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính

1. Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo mật thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính phải tuân thủ đúng quy định về bảo mật thông tin hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

2. Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo vệ hệ thống bản đồ, các công trình hạ tầng đo đạc cơ bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quản lý việc cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ; quản lý tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lưu trữ, cập nhật thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.

5. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính và phương án thi công trích đo địa chính quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này và chỉ đạo:

a) Chi cục Quản lý đất đai tổ chức kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm và trình phê duyệt trích đo địa chính theo quy định tại khoản 4 Điều 7 và khoản 1 Điều 9 Quy định này.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm và phê duyệt trích đo địa chính theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Quy định này.

c) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm và phê duyệt trích đo địa chính theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 Quy định này.

6. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bộ đơn giá, phí, lệ phí đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh.

8. Hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

9. Tổ chức thực hiện việc đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý, bảo trì, bảo vệ, di dời, huỷ bỏ các công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý.

10. Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; quản lý việc lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý.

11. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các xuất bản sản

phẩm bản đồ có nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật theo quy định.

12. Tham mưu UBND tỉnh có văn bản ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán và phê duyệt sản phẩm trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính với quy mô diện tích phù hợp để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn địa phương.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

3. Tham gia quản lý mốc đo đạc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về dự án đo đạc và bản đồ địa chính ở địa phương.

5. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán trích đo địa chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 và tổ chức kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định này.

6. Phê duyệt sản phẩm trích đo địa chính theo quy định tại khoản 4 Điều 7 và khoản 2 Điều 9 Quy định này.

7. Báo cáo kết quả thực hiện phê duyệt sản phẩm trích đo địa chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng 12 hàng năm để theo dõi, quản lý.

8. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

9. Chỉ đạo các phòng, ban có liên quan cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, lưu trữ và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ đo đạc bản đồ địa chính theo quy định.

10. Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn cấp huyện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn địa phương;

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền;

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên;

4. Bảo vệ các dấu mốc đo đạc bản đồ trên địa bàn;

5. Có trách nhiệm cử công chức địa chính, cán bộ thôn, xóm, ấp, tổ dân phố phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn đơn vị thi công đo đạc bản đồ địa chính xác định hiện trạng, ranh giới, mốc giới sử dụng đất trên địa bàn khi có yêu cầu.

6. Tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính và ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất, xác nhận tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn quản lý.

7. Xác nhận hiện trạng quản lý, sử dụng đất và có Thông báo về việc đề nghị trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân.

8. Thực hiện quản lý, lưu trữ và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ đo đạc bản đồ địa chính theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn có Giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ mà trong đó có danh mục được cấp phép hoạt động tương ứng với nội dung công việc trong hợp đồng được ký kết.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị thi công đo đạc tổ chức quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung đo đạc để Nhân dân trong khu vực dự án biết và phối hợp thực hiện.

3. Chủ đầu tư (hoặc giao cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc thành lập hội đồng tư vấn hoặc thuê tổ chức có chức năng kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính) thực hiện việc giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính và trực tiếp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao.

4. Xác nhận khối lượng, giá trị hoàn thành công trình, sản phẩm địa chính.

5. Giao nộp toàn bộ sản phẩm địa chính đã được thẩm định và phê duyệt cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý biến động theo quy định.

6. Thực hiện các nội dung về giám sát, kiểm tra, nghiệm thu theo quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Đối với tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Chỉ được phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi các danh mục được cấp phép, nếu hoạt động đo đạc và bản đồ ngoài các danh mục được cấp phép sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày

11/02/2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

2. Trong quá trình tổ chức thi công, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết về kế hoạch đo đạc bản đồ trên địa bàn để quản lý, theo dõi. Có trách nhiệm phối hợp với người dẫn đạc (là công chức địa chính cấp xã hoặc cán bộ thôn, xóm, ấp, tổ dân phố) và người sử dụng đất để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa; đồng thời, yêu cầu người sử dụng đất xuất trình các giấy tờ pháp lý có liên quan đến thửa đất (có thể cung cấp bản sao các giấy tờ đó không cần công chứng, chứng thực).

3. Thực hiện thi công theo đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính, phương án thi công trích đo địa chính đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Báo cáo kịp thời bằng văn bản gửi cho chủ đầu tư khi có sự thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính, phương án thi công trích đo địa chính đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công và chịu trách nhiệm về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện.

5. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư; chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công của cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

6. Lưu trữ sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính theo quy định lưu trữ tài liệu của nhà nước, không được hủy bỏ các tài liệu cũ ngay cả trong trường hợp đã có tài liệu mới cập nhật, thay thế.

7. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động đo đạc bản đồ theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 18. Thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ địa chính

1. Thanh tra, kiểm tra về đo đạc và bản đồ địa chính được quy định như sau:

a) Thanh tra tài nguyên và môi trường thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đo đạc và bản đồ địa chính.

b) Đối tượng thanh tra, kiểm tra về đo đạc và bản đồ địa chính là tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ.

c) Việc thanh tra, kiểm tra về đo đạc và bản đồ địa chính được thực hiện theo quy định của Luật Đo đạc và bản đồ, quy định của pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Các thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc các phương án thi công trích đo địa chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành và đang triển khai thực hiện dở dang thì tiếp tục triển khai thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án thi công đã được phê duyệt.

4. Các thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc các phương án thi công trích đo địa chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa triển khai thực hiện thì tổ chức rà soát để phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Quy định này.

5. Các văn bản hướng dẫn liên quan đến đo đạc và bản đồ địa chính trước đây trên địa bàn tỉnh đều được bãi bỏ kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

6. Ngoài các quy định cụ thể trong quy định này, các quy định khác liên quan đến đo đạc bản đồ địa chính được thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do -Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm 202....

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
(Phần ngoại nghiệp)

Hạng mục:

Khu đo:.....

Thuộc công trình:

Thành phần tham gia kiểm tra:

1. Chi cục quản lý đất đai - Sở TN&MT.

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

3. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

4. Chủ đầu tư

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

5. UBND cấp xã

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

6. Đơn vị thi công.

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

*** Nội dung kiểm tra:**

.....
.....

*** Kết quả kiểm tra:**

.....
.....

*** Nhận xét:**

.....
.....

*** Yêu cầu đối với đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

*** Ý kiến của các đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

Biên bản thành lập bản, mỗi bên tham gia giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CÁN BỘ THAM GIA KIỂM TRA

**PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
HUYỆN**

**CHI NHÁNH VĂN PHÒNG
ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

UBND CẤP XÃ

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CHI CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do -Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm 202....

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
(Phần ngoại nghiệp)

Hạng mục:

Khu đo:.....

Thuộc công trình:

Thành phần tham gia kiểm tra:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :.....

2. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

3. Chủ đầu tư

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

4. UBND cấp xã

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

5. Đơn vị thi công.

- Ông: Chức vụ :

- Ông: Chức vụ :

*** Nội dung kiểm tra:**

.....
.....

*** Kết quả kiểm tra:**

.....
.....

*** Nhận xét:**

.....
.....

*** Yêu cầu đối với đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

*** Ý kiến của các đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

Biên bản thành lập bản, mỗi bên tham gia giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CÁN BỘ THAM GIA KIỂM TRA

**PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
HUYỆN**

**CHI NHÁNH VĂN PHÒNG
ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

UBND CẤP XÃ

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do -Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
(Phần nội nghiệp)

Hạng mục công việc kiểm tra:

Thuộc công trình:

Khu đo:

I. Thành phần tham gia kiểm tra.

1. Đại diện Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Ông/bà: Chức vụ :

- Ông/bà: Chức vụ :

2. Đơn vị thi công.

- Ông/bà: Chức vụ :

- Ông/bà: Chức vụ :

II. Nội dung kiểm tra.

1. Các loại tài liệu kiểm tra:

.....
.....

2. Nội dung kiểm tra:

.....
.....

3. Kết quả kiểm tra:

.....
.....

*** Đánh giá, nhận xét:**

.....
.....

*** Yêu cầu đối với đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

*** Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau ./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do -Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...
BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
(Phần nội nghiệp)

Hạng mục công việc kiểm tra:

Thuộc công trình:

Khu đo:

I. Thành phần tham gia kiểm tra.

1. Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

- Ông/bà: Chức vụ :

- Ông/bà: Chức vụ :

2. Đơn vị thi công.

- Ông/bà: Chức vụ :

- Ông/bà: Chức vụ :

II. Nội dung kiểm tra.

1. Các loại tài liệu kiểm tra:

.....
.....

2. Nội dung kiểm tra:

.....
.....

3. Kết quả kiểm tra:

.....
.....

*** Đánh giá, nhận xét:**

.....
.....

*** Yêu cầu đối với đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

*** Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:**

.....
.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau ./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA (Phần ngoại nghiệp)*(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày /.... / 202....)*

Công trình:

Khu đo:

Đơn vị thi công:

Kiểm tra theo kích thước cạnh

TT	Danh mục kiểm tra			Số liệu ở bản đồ (m)	Số liệu kiểm tra (m)	Chênh lệch (m)	Đánh giá	Ghi chú
	Thửa số	Tờ bản đồ số	Cạnh					
1								
2								
3								
...								

* Nhận xét:

.....

.....

Ngày tháng năm 20....

Đơn vị thi công**Người kiểm tra**

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA (Phần ngoại nghiệp)*(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày /.... / 202....)*

Công trình:

Khu đo:

Đơn vị thi công:

Kiểm tra theo tọa độ đỉnh thửa đất, Mảnh bản đồ số

STT	Số hiệu thửa đất	Đỉnh thửa đất	Tọa độ thi công (m)		Tọa độ kiểm tra (m)		Đánh giá		Ý kiến kiểm tra	Ghi chú
			X	Y	X	Y	dx	dy		
1										
2										
3										
...										

* Nhận xét:

.....

Ngày tháng năm 20....

Đơn vị thi công**Người kiểm tra**

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA (Phần ngoại nghiệp)*(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày / / 202....)*

Công trình:

Khu đo:

Đơn vị thi công:

STT	Kiểm tra hình thể, loại đất		Ý kiến kiểm tra	Đánh giá	Ghi chú
	Thửa số	Tờ bản đồ số			
1					
2					
3					
...					

* Nhận xét:

.....

.....

Ngày tháng năm 202....

Đơn vị thi công**Người kiểm tra**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do -Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202....

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA (Phần nội nghiệp)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày /.... / 202....)

Hạng mục công việc kiểm tra:

Thuộc công trình:

Khu đo:

Nội dung kiểm tra:

STT	Nội dung kiểm tra	Nội dung ý kiến	Đánh giá	Ghi chú
01				
02				
03				
...				

Nhận xét:

.....

Đơn vị thi công

Người kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên hạng mục công việc (hoặc công đoạn) kiểm tra:

Thuộc công trình:

Họ và tên người kiểm tra:

Chức vụ:

Họ và tên người được kiểm tra:

Chức vụ:

Kiểm tra những loại tài liệu sau: *(Tổng hợp từ các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, nêu rõ khối lượng công việc mà người kiểm tra đã thực hiện).*

Kết quả kiểm tra:

Nhận xét:

Yêu cầu đối với người được kiểm tra:

Ý kiến của người được kiểm tra:

Biên bản lập thành 03 bản, 01 (một) lưu tại đơn vị thi công, 01 (một) giao cho đơn vị kiểm tra, 01 (một) bản giao cho chủ đầu tư.

Người được kiểm tra

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA*(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày / / 202....)*

Người kiểm tra: Chức vụ:

Loại sản phẩm kiểm tra:

Thuộc (tên công trình, dự án ...):

Đơn vị thi công:

TT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến kiểm tra	Xử lý	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

*(Địa danh), ngày tháng năm 202...***Người kiểm tra***(Ký và ghi rõ họ, tên)*

TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO TỔNG KẾT KỸ THUẬT

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)

1. Các cơ sở pháp lý để thi công công trình: (nêu các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc thi công công trình).

2. Phạm vi khu vực thi công: (nêu vắn tắt vị trí địa lý và phạm vi hành chính của khu vực thi công).

3. Đặc điểm địa hình địa vật: (nêu vắn tắt đặc điểm địa hình, địa vật của khu vực thi công có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và chất lượng sản phẩm).

4. Thời gian và đơn vị thi công: (nêu rõ thời gian bắt đầu, kết thúc và tên đơn vị thi công các hạng mục công việc).

5. Các văn bản pháp quy, tài liệu và số liệu sử dụng khi thi công:

- Nêu rõ tên và số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản pháp quy:

- Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu, số liệu sử dụng:

6. Các phương pháp và những giải pháp kỹ thuật đã áp dụng: (nêu rõ các phương pháp kỹ thuật, công nghệ đã áp dụng vào sản xuất, các trường hợp đã xử lý kỹ thuật ngoài phạm vi công trình, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... các ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong thi công cụ thể đến từng công đoạn).

7. Khối lượng công việc: (nêu rõ khối lượng công việc theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực tế thi công)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Ghi chú
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
1							
2							
...							

8. Kết luận và kiến nghị: (kết luận chung về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, những vấn đề còn tồn tại và kiến nghị xử lý, kiến nghị những vấn đề phát sinh).

Người phụ trách kỹ thuật của đơn vị thi công

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị thi công
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM

Công trình: (tên công trình hoặc hạng mục công trình)

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...: (tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)

I. Tình hình thực hiện công trình:

1. Đơn vị thi công:
2. Thời gian thực hiện: Từ tháng ... năm đến tháng năm
3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công:
4. Khối lượng đã thi công:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công	
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng
1						
2						
3						

5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công:
(Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công).

6. Tổ chức thực hiện:

II. Tình hình kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm của đơn vị thi công:

1. Cơ sở pháp lý để kiểm tra nghiệm thu:
 - Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình, ... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nêu đầy đủ tên văn bản, số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản);
 - Các văn bản quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm (nêu rõ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành văn bản).
2. Thành phần kiểm tra (nêu rõ họ và tên, chức vụ các thành viên kiểm tra):
3. Nội dung và mức độ kiểm tra sản phẩm: (nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

4. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm: *(nêu cụ thể kết quả kiểm tra chất lượng, khối lượng từng hạng mục công việc của công trình)*.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Về khối lượng: đã hoàn thành

2. Về chất lượng: *(nêu tên sản phẩm)* đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức độ khó khăn (nếu có):

4. *(Nêu tên sản phẩm)* chuẩn bị giao nộp để kiểm tra, nghiệm thu đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

Đại diện đơn vị thi công

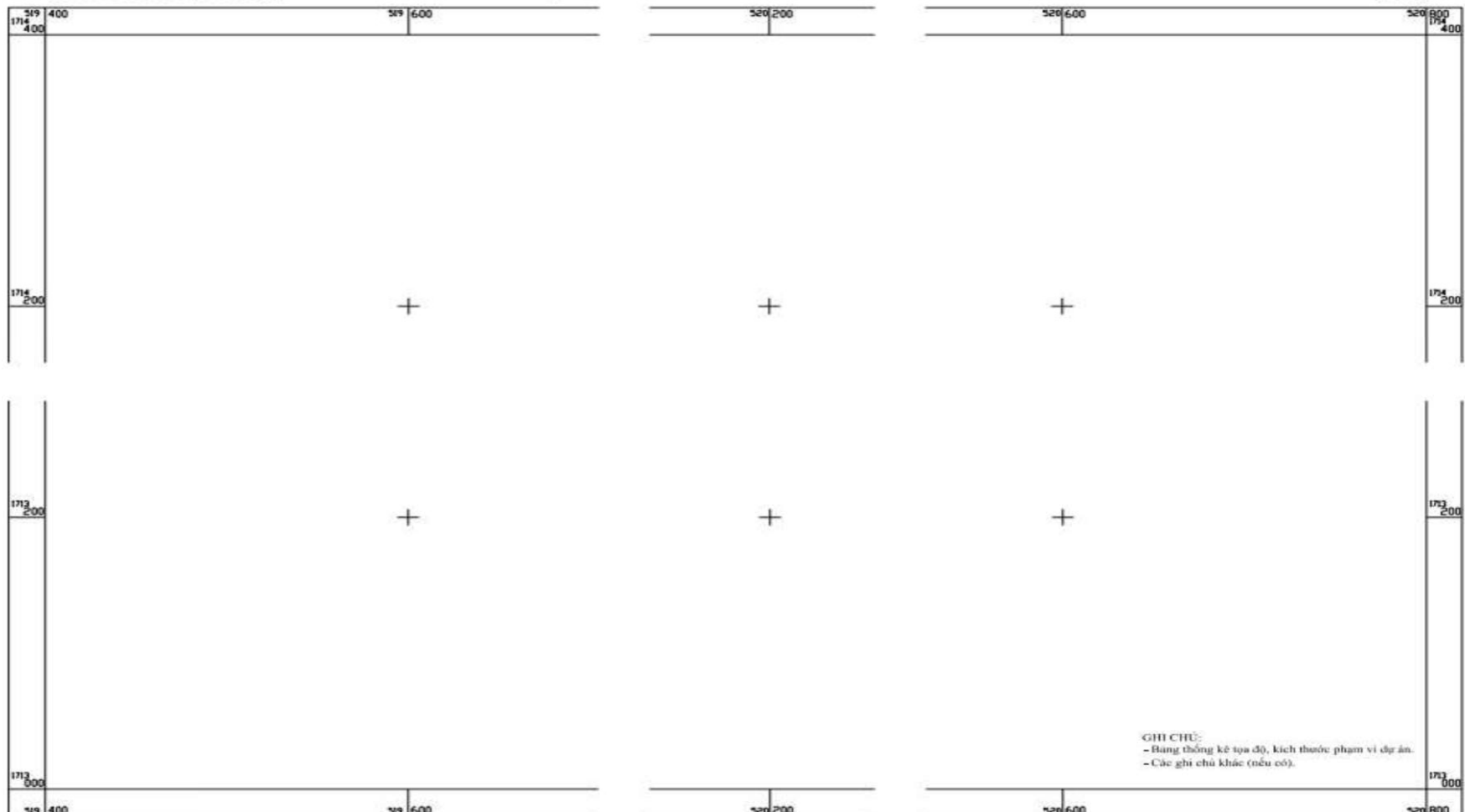
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07a

Small grid table with numbers 1, 2, 3, 4 in a 2x2 arrangement.

XÃ (TÊN XÃ)
MẢNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ 1 - 2023 (T16518-9)
HỆ TỌA ĐỘ VN2000, KHU VỰC THÔN
DỰ ÁN:

QUẢNG NAM - (TÊN HUYỆN)



GHI CHÚ:
- Bảng thống kê tọa độ, kích thước phạm vi dự án.
- Các ghi chú khác (nếu có).

Ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị đo vẽ:
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm ...
Cơ quan kiểm tra: Chi cục Quản lý đất đai Quảng Nam
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tỷ lệ 1:2000
1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng
Ngày ... tháng ... năm ...
Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

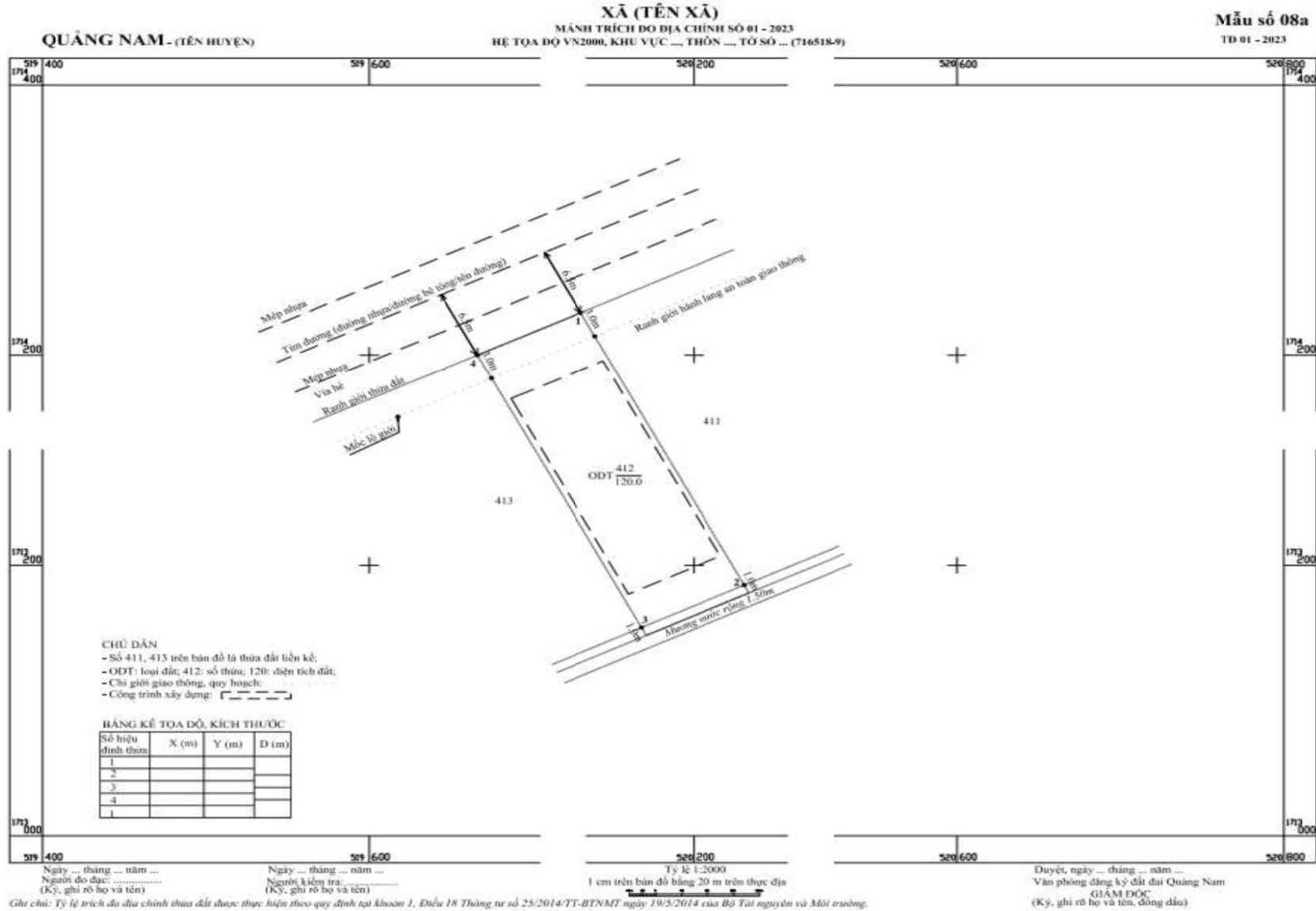
Duyệt, ngày ... tháng ... năm ...
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

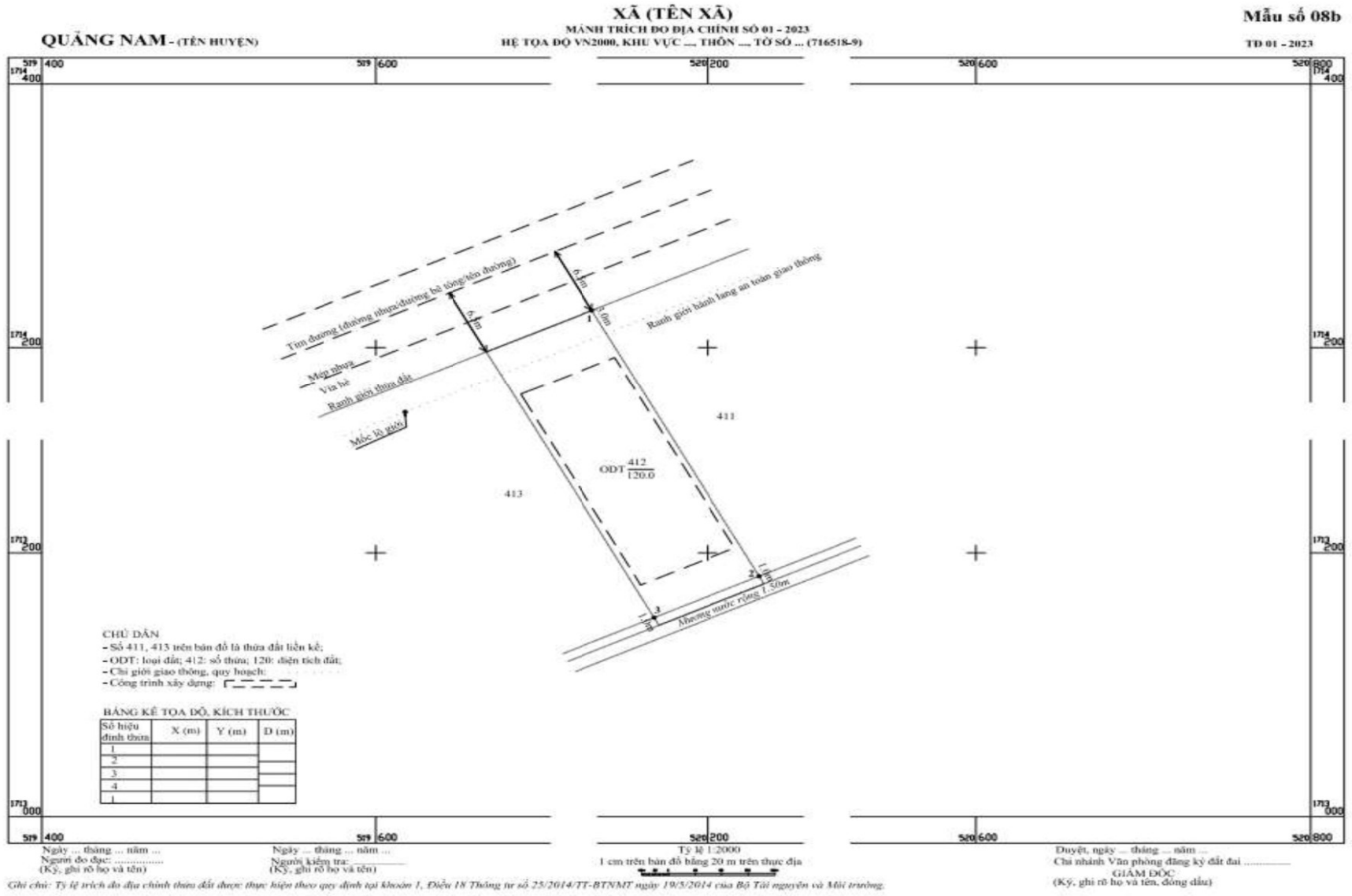
THÀNH ... TỜ
TỜ SỐ ...
Tổng số thửa: ...

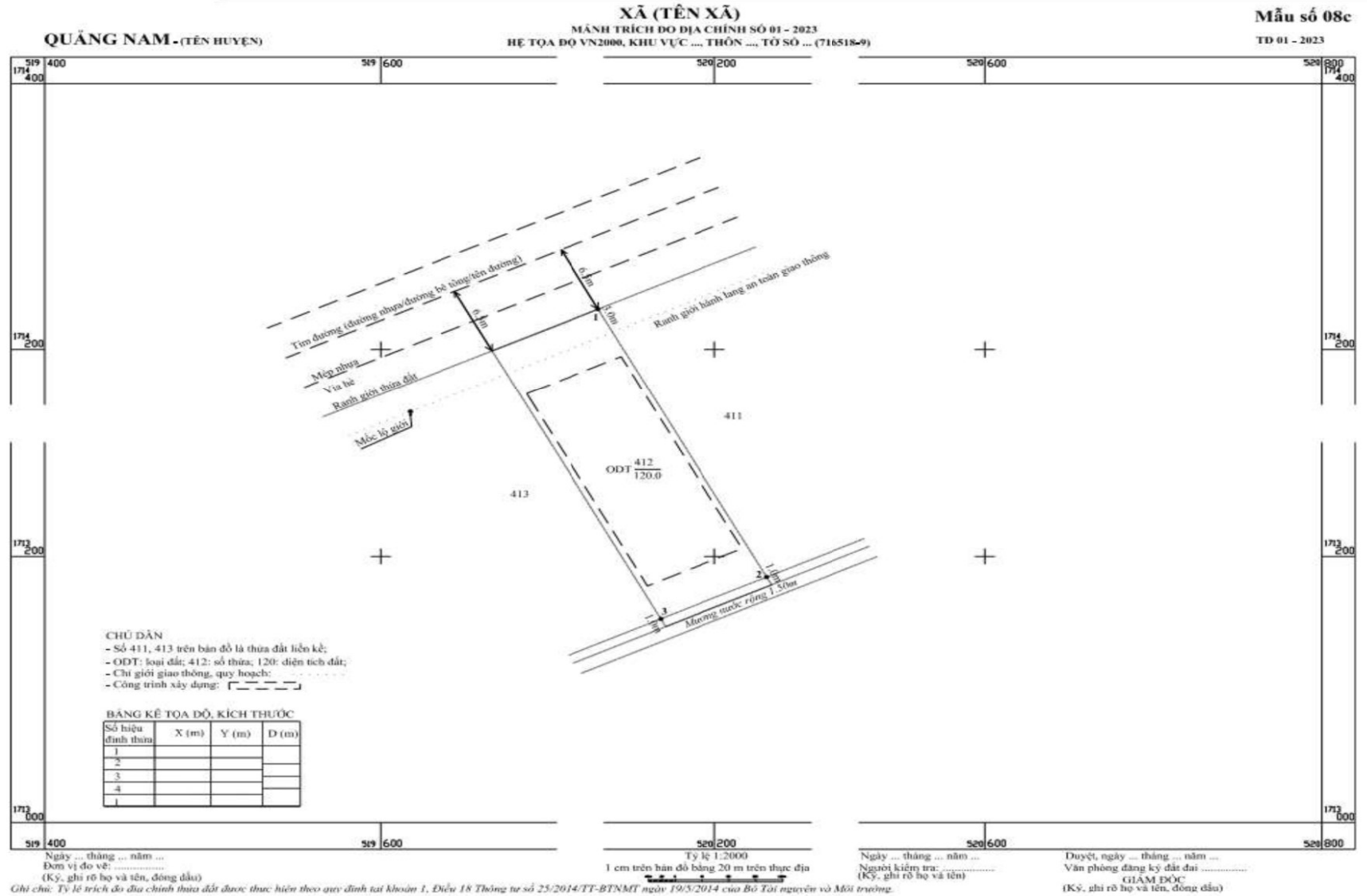
Ghi chú các thửa đất nhỏ

Table with 4 columns: Thửa số, Diện tích, Lưu đất, and an empty grid area for drawing small plots.

XÃ (TÊN XÃ) - TỜ SỐ 1



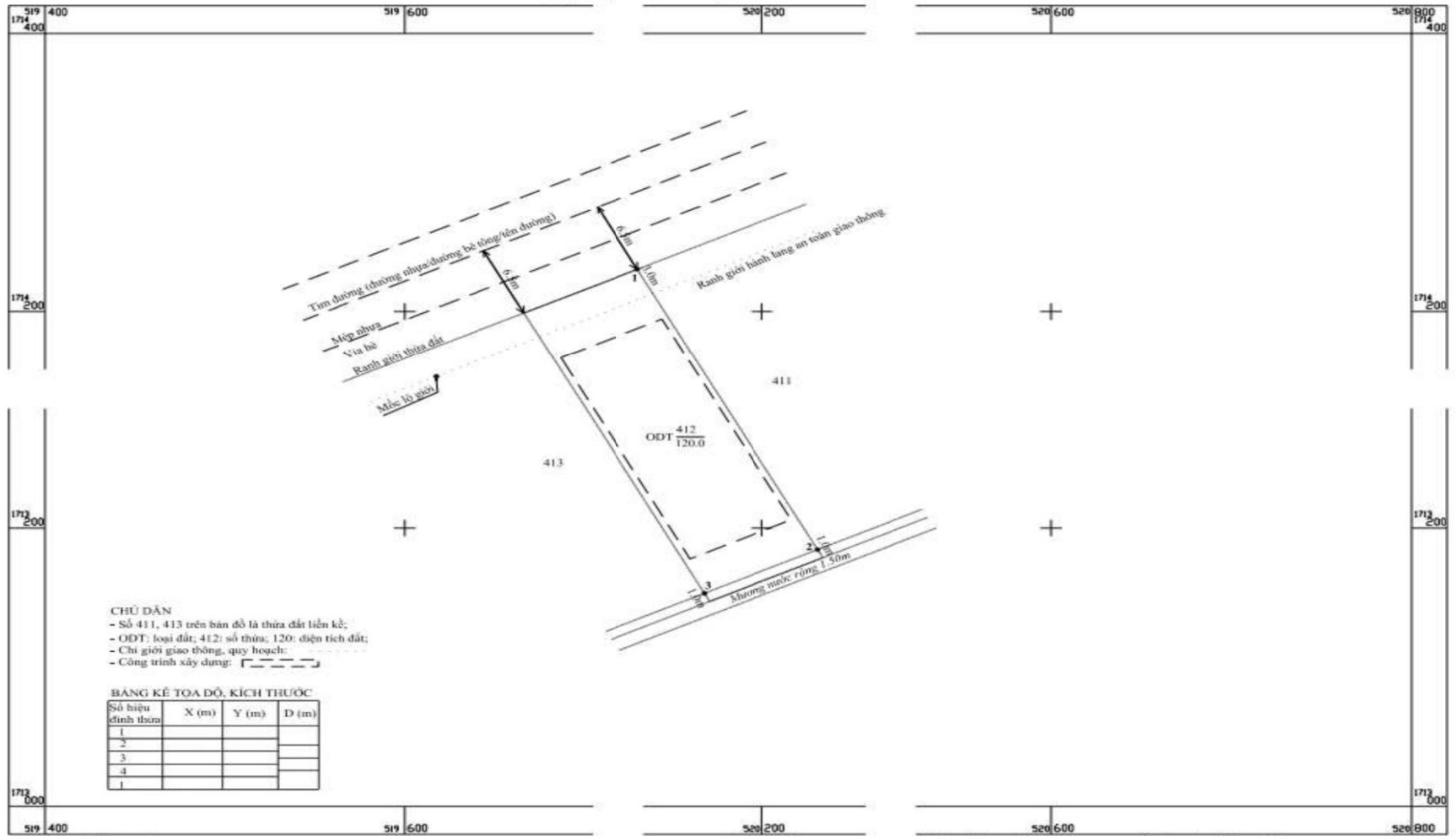




QUẢNG NAM - (TÊN HUYỆN)

XÃ (TÊN XÃ)
MẪNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ 01 - 2023
HỆ TỌA ĐỘ VN2000, KHU VỰC ..., THÔN ..., TỜ SỐ ... (716518-9)

Mẫu số 08d
TD 01 - 2023



CHỦ DẪN
 - Số 411, 413 trên bản đồ là thửa đất liền kề;
 - ODT: loại đất; 412: số thửa; 120: diện tích đất;
 - Chỉ giới giao thông, quy hoạch:
 - Công trình xây dựng: [---]

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ, KÍCH THƯỚC

Số hiệu đỉnh thửa	X (m)	Y (m)	D (m)
1			
2			
3			
4			
1			

Ngày ... tháng ... năm ...
 Đơn vị đo vẽ:
 (Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tỷ lệ 1:2000
 1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Ngày ... tháng ... năm ...
 Người kiểm tra:
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Duyệt, ngày ... tháng ... năm ...
 Chủ nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
 GIÁM ĐỐC
 (Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tỷ lệ trích đo địa chính thửa đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.